TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HS-ST
Ngày: 27-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc.

Ông Vũ Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Đoàn Văn T - Sinh năm 1993; tại xã N1, huyện N2, tỉnh N; nơi cư trú: Thôn B, xã N1, huyện N2, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Tr - Sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Q (đã chết), mẹ kế là Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1973; vợ là Hoàng Thị V - sinh năm 1998 và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2019 đến nay; hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

2. Vũ Hồng D (tên gọi khác Vũ Văn D) - Sinh năm 1990 tại xã N1, huyện N2, tỉnh N; nơi cư trú: Thôn B, xã N1, huyện N2, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn D1 - Sinh năm 1962 và bà Phạm Thị N3 - Sinh năm 1969; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/01/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 27 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2019

đến nay; hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- *Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thúy N4 - Sinh ngày 01/02/2001; địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện G, tỉnh N.

2. Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 3, xã G1, huyện G, tỉnh N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Cao T - Sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 17, xã T, huyện X, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt 2 bị cáo và chị N4; vắng mặt chị L và anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 28/3/2019, Đoàn Văn T trú tại thôn B, xã N1, huyện N2, tỉnh N sang nhà Vũ Hồng D (tức Vũ Văn D) ở cùng xóm để rủ Doanh đi xuống xã G2, huyện G để mua ma túy về sử dụng đồng thời T bàn bạc với D trên đường đi nếu phát hiện thấy ai có tài sản thì cướp giật bán lấy tiền tiêu xài, D đồng ý. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, D điều khiển xe máy BKS: 18K1-04002 của D chở T xuống xã G2, trên đường đi D và T tháo biển kiểm soát của xe cất đi tránh bị phát hiện. Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi đi đến xã G2, D và T góp mỗi người 100.000 đồng mua Heroine của một người đàn ông không rõ tên, tuổi địa chỉ ở khu vực chợ xã G2 rồi cùng nhau sử dụng. Sau đó, D điều khiển xe máy chở T đi về hướng thị trấn N5, huyện G, khi đi đến khu vực trước cổng trung tâm cai nghiện huyện G thuộc khu vực xóm 14, xã H, huyện G thì phát hiện thấy chị Nguyễn Thúy N4 đang điều khiển xe máy điện đi phía trước, vai đeo balo ngăn ngoài không khóa có tai nghe điện thoại thò ra ngoài, nghĩ có điện thoại bên trong balo nên D điều khiển xe máy áp sát xe của chị N4 cho T ngồi sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại OPPO F9 rồi D điều khiển xe bỏ chạy theo hướng về huyện X. D và T cùng nhau mang chiếc điện thoại vừa giật được của chị N4 đến bán cho anh Nguyễn C chủ cửa hàng điện thoại C ở xóm 11, xã XV, huyện X, tỉnh N lấy 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng), số tiền trên cả hai cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 13 giờ ngày 02/4/2019, T rủ D đi xuống xã G2, huyện G mua ma túy về sử dụng và thấy ai có tài sản thì cướp giật bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày D điều khiển xe máy BKS: 18K1-04002 của D chở T xuống xã G2, huyện G, tỉnh N mua ma túy của một người đàn ông không rõ tên, tuổi địa chỉ ở khu vực chợ xã G2 rồi cùng nhau sử dụng. Sau đó, D điều khiển xe máy chở T đến khu vực gần chùa Chính xã G2 thuộc xóm 2, xã G2, huyện G thì phát hiện thấy chị Nguyễn Thị L đang điều khiển xe máy điện đi phía trước có chiếc điện thoại IPHONE 6 để trong túi quần phía sau thò ra ngoài, nên D điều khiển xe áp sát xe chị L cho T dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại rồi D điều

khiển xe bỏ chạy về phía huyện X cùng nhau mang điện thoại vừa giật được đến bán cho anh Nguyễn Cao T chủ cửa hàng điện thoại CT ở xóm 11, xã XV, huyện X, tỉnh N lấy 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền trên cả hai cùng nhau tiêu xài cá nhân hết. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, Đoàn Văn T và Vũ Hồng D (Vũ Văn D) bị bắt quả tang về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hiện T và D đã bị khởi tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Cướp giật tài sản" và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như đã nêu trên.

Chị Nguyễn Thúy N4 đề nghị Hội đồng xét xử buộc hai bị cáo phải bồi thường cho chị trị giá chiếc điện thoại mà các bị cáo đã chiếm đoạt theo kết quả định giá. Về hình phạt đối với các bị cáo chị đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/4/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Giao Thủy đã tiến hành định giá:

- Định giá trên hồ sơ xác định: 01 chiếc điện thoại OPPO F9 có trị giá là: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng);

- Định giá thực tế xác định: 01 chiếc điện thoại IPHONE 6 có trị giá là: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Bản Cáo trạng số: 60/CT-VKS ngày 09/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Đoàn Văn T và Vũ Hồng D (tức Vũ Văn D) về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã nhận toàn bộ hành vi như đã nêu. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn T và Vũ Hồng D (tên gọi khác Vũ Văn D) phạm tội "Cướp giật tài sản"; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Vũ Hồng D (tên gọi khác Vũ Văn D) từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Đoàn Văn T và Vũ Hồng D phải liên đới bồi thường cho chị N4 số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và anh Nguyễn Cao T số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), Cơ quan điều tra thu giữ của anh Nguyễn Cao T, quá trình điều tra xác định đây là khoản tiền chiếm hưởng bất hợp pháp nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Đã có sự bàn bạc từ trước nên trong các ngày 28/3/2019 và ngày 02/4/2019, sau khi mua ma túy và cùng nhau sử dụng xong, Vũ Hồng D (tên gọi khác Vũ Văn D) điều khiển xe mô tô BKS: 18K1-04002 của mình chở Đoàn Văn T đi trên đường phát hiện người đi đường có tài sản sơ hở thì giật lấy đi bán lấy tiền tiêu xài. Cụ thể: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/3/2019, tại khu vực xóm 14, xã H, huyện G, phát hiện chị Nguyễn Thúy N4 đi xe máy điện D điều khiển xe máy áp sát xe của chị N4, để T giật được 01 chiếc điện thoại OPPO F9 trị giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) bên trong balo của chị N4 rồi điều khiển xe máy bỏ chạy. Khoảng 13 giờ ngày 02/4/2019, với diễn biến hành vi tương tự như trên, tại khu vực xóm 2, xã G2, huyện G, T và D giật 01 chiếc điện thoại IPHONE 6 trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) của chị Nguyễn Thị L. Như vậy, hành vi của Đoàn Văn T và Vũ Hồng D (tên gọi khác Vũ Văn D) đã cấu thành tội "Cướp giật tài sản", các bị cáo sử dụng xe máy là dùng thủ đoạn nguy hiểm nên phải chịu tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây sự bất bình và lo lắng trong nhân dân. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu lao động tạo ra của cải vật chất để phục vụ cho nhu cầu của bản thân mà chỉ thích hưởng thụ cần tiền ăn tiêu nên đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác dẫn tới phạm tội. Do vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để giáo dục riêng đối với các bị cáo và đáp ứng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[3] Xét vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện 02 hành vi cưỡng đoạt tài sản mỗi hành vi đều cấu thành tội "Cướp giật tài sản" nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở nên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan CSĐT và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đồng phạm về tội "Cướp giật tài sản", bị cáo Đoàn Văn T là khởi xướng đồng thời là người thực hiện hành phạm tội nên bị cáo giữ vai trò đầu vụ và phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Vũ Hồng D.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của hai bị cáo, Công an huyện Giao Thủy đã xử phạt hành chính đối với hai bị cáo là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Cao T, quá trình mua 2 chiếc điện thoại OPPO F9 và IPHONE 6, anh T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đặt ra vấn đề xử lý là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc điện thoại IPHONE 6 của chị Nguyễn Thị L, trị giá 2.000.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chị Lĩnh, nay chị Lĩnh không có yêu cầu gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Đối với chiếc điện thoại OPPO F9 trị giá 6.000.000 đồng của chị Nguyễn Thúy N4 mà các bị cáo chiếm đoạt nay không thu hồi được, chị N4 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Vì vậy buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị N4 trị giá tài sản đã bị chiếm đoạt, chia theo phần, bị cáo T bồi thường 3.000.000 đồng, bị cáo D bồi thường 3.000.000 đồng.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng mà anh Nguyễn Cao T đã bỏ ra mua chiếc điện thoại IPHONE 6 từ các bị cáo. Nay anh T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, vì vậy buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho T, chia theo phần mỗi bị cáo bồi thường 600.000 đồng.

[5] Xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), Cơ quan điều tra thu giữ của anh Nguyễn Cao T, quá trình điều tra xác định đây là khoản tiền chiếm hưởng bất hợp pháp nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 18K1- 04002 của Doanh hiện nay đang bị tạm giữ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trực Ninh là phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trực Ninh giải quyết theo thẩm quyền.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Văn T, Vũ Hồng D (tên gọi khác Vũ Văn D) phạm tội " Cướp giật tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn T 04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2019.

- Xử phạt: Bị cáo Vũ Hồng D (tên gọi khác Vũ Văn D) 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2019.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468 và Điều 587 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thúy N4 số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) chia theo phần mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thúy N4 số tiền là 3.000.000 (Ba triệu đồng); anh Nguyễn Cao T số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) chia theo phần mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Cao T số tiền là 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

(Được ghi chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 12/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo và chị N4 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L và anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Nhà tạm giữ công an huyện Trực Ninh;
- Công an huyện Giao Thủy;
- Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thanh Lâm